BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/TB-HĐTD

Cà Mau, ngày 26 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc kết quả trúng tuyển viên chức Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-BV ngày 25/9/2023 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Đa khoa Cà Mau thông báo kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2023 đến các thí sinh trúng tuyển có tên trong Quyết định (kèm theo sanh sách), đến Bệnh viện Đa khoa Cà Mau hoàn thiện hồ sơ theo quy định trước khi Bệnh viện Đa khoa Cà Mau ban hành Quyết định tuyển dụng như sau:

I. Kết quả xét tuyển

Chi tiết kèm theo Quyết định số 630/QĐ-BV ngày 25/9/2023 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau.

II. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ trúng tuyển

1. Thời gian: 30 ngày, kể từ ngày **26/9/2023 đến ngày 25/10/2023** *(trong giờ hành chính).*

2. Địa điểm: Phòng tổ chức cán bộ Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, số 16, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường 6, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. Điện thoại: 02903.831.015

3. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

a) Người trúng tuyển phải đến Bệnh viện Đa khoa Cà Mau xuất trình ***bản chính*** các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đối tượng ưu tiên *(nếu có)* theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng.

b) Người trúng tuyển phải nộp hồ sơ bao gồm:

- Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Trường hợp các văn bằng, chứng chỉ đào tạo do cơ sở đào tạo

nước ngoài cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam thì phải được công chứng dịch thuật ra tiếng Việt;

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (*nếu có)* đã được kê khai trong phiếu đăng ký dự tuyển *(do cơ quan có thẩm quyền cấp).*

**** Lưu ý**:* Riêng đối với người trúng tuyển đã có thời gian công tác phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, có đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng Bảo hiểm xã hiểm (*nếu đứt quãng thì được cộng dồn)* hoặc đang là hợp đồng lao động trong chỉ tiêu biên chế được giao. Ngoài việc đối chiếu, bổ sung hồ sơ như nêu trên, người trúng tuyển cần bổ sung thêm các loại giấy tờ sau:

- Sổ Bảo hiểm xã hội tính đến ngày 30/9/2023, để xem xét quá trình công tác và xếp lương (*1 bản sao có công chứng*).

**** Hồ sơ trúng tuyển của thí sinh được bỏ vào một phong bì.***

c) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định thì Bệnh viện Đa khoa Cà Mau ban hành quyết định hủy kết quả trúng tuyển theo quy định và thông báo công khai trên trang điện tử của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau và không tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển trong kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Mọi thông tin về kết quả trúng tuyển, Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 đăng tải trên công thông tin điện tử Bệnh viện Đa khoa Cà Mau (tại địa chỉ: https://bvdkcamau.vn) và thông báo đến các thí sinh đăng ký tuyển dụng được biết và thực hiện thông báo này./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Hoán Toàn

Nơi nhận:
- 209 thí sinh (danh sách kèm theo)
- BGĐ (b/c);
- Website Bệnh viện;
- Lưu: HĐTD.

SỞ Y TẾ CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 630 / QĐ-BV

Cà Mau, ngày 25 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-SYT ngày 25/10/2018 của Sở Y tế Cà Mau về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác Bệnh viện Đa khoa Cà Mau;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, ban hành Quy định về phân cấp quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 tại Tờ trình số 10/TTr-HĐTD ngày 19/9/2023 và đề nghị của Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau năm 2023 đối với **209** trường hợp, trong đó có **125** trường hợp trúng tuyển và **84** trường hợp không trúng tuyển *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Giao Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Đa khoa Cà Mau thông báo, công khai kết quả trúng tuyển viên chức đến thí sinh dự tuyển, thực hiện hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng, Phòng Tổ chức cán bộ, các Phòng chức năng thuộc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

Bùi Đức Văn

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Lưu: VT, TCCB.*

SỞ Y TẾ CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023
CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 630 /QĐ-BV ngày 25/9/2023 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
1	*2*	*3*	*4*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
1. Bác sỹ hạng III														
1	Dương Văn Anh Thư		29/05/1998	Khoa Hồi sức tích cực & Chống độc	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
2	Danh Minh Toàn	04/02/1998		Khoa Hồi sức tích cực & Chống độc	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	Vắng	Dân tộc Khmer	5	Vắng	Vắng	
3	Nguyễn Trung Kiên	12/03/1994		Khoa Cấp cứu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
4	Phan Thanh Phước Nguyên	29/06/1998		Khoa Cấp cứu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
5	Nguyễn Quốc Bảo	03/10/1997		Khoa Cấp cứu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	73			73	Trúng tuyển	
6	Lê Đào Diễm Trang		16/05/1998	Khoa Lão học	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	95			95	Trúng tuyển	
7	Phạm Trường Giang		13/05/1997	Khoa Tim mạch	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
8	Trần Thị Ngọc		15/05/1991	Khoa Tim mạch	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
9	Trịnh Thị Huỳnh Như		03/03/1998	Khoa Tim mạch	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
10	Đỗ Hoài Nam	20/07/1998		Khoa Thần kinh	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y khoa	90			90	Trúng tuyển	
11	Nguyễn Kim Tiền		06/09/1997	Khoa Thần kinh	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
12	Lương Gia Quỳnh		24/10/1997	Khoa Nội tiêu hóa	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
13	Phan Nguyễn Ngọc Bích		06/07/1993	Khoa Nội tiêu hóa	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
14	Nguyễn Như Quỳnh		17/02/1997	Khoa Nội tiêu hóa	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y khoa	75			75	Không trúng tuyển	
15	Lý Hải Đăng	05/08/1994		Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	87	Quân nhân xuất ngũ, Khmer	5	92	Trúng tuyển	
16	Lê Quang Trường	19/02/1998		Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	90			90	Trúng tuyển	
17	La Minh Hiếu	17/02/1998		Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
18	Lê Vũ Bình	19/09/1999		Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y khoa	64			64	Không trúng tuyển	
19	Đặng Xuân Khoa	21/09/1996		Khoa Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
20	Nguyễn Duy Khang	16/09/1998		Khoa Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y khoa	65			65	Không trúng tuyển	
21	Tạ Nhật Trường	09/09/1998		Khoa Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y khoa	55			55	Không trúng tuyển	
22	Lâm Đức Thịnh	21/01/1998		Khoa Ung bướu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
23	Tô Vĩnh Nguyên	20/11/1997		Khoa Ung bướu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	75			75	Trúng tuyển	
24	Phạm Định Thị Phương Anh		13/11/1999	Khoa Ung bướu	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y khoa	70			70	Không trúng tuyển	
25	Vưu Lê Thảo Nguyên		27/06/1996	Khoa Nội tiết	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y đa khoa	89			89	Trúng tuyển	
26	Trần Vũ Phương	25/12/1985		Khoa Ngoại thần kinh	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	90	Dân tộc Khmer	5	95	Trúng tuyển	
27	Lê Tấn Phát	20/07/1998		Khoa Ngoại thần kinh	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	75			75	Trúng tuyển	
28	Nguyễn Chí Thông	17/09/1997		Khoa Tai Mũi Họng	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
29	Nguyễn Kiều Diễm		01/01/1996	Khoa Huyết học lâm sàng	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	2	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
30	Nguyễn Ngọc Diễm		29/11/1996	Khoa Hô hấp - Lao	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Bác sĩ y khoa	89			89	Trúng tuyển	
31	Trần Phong Nhã	20/02/1998		Khoa Hô hấp - Lao	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	85			85	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
32	Nguyễn Thị Uyên Uyên		10/12/1997	Khoa Hô hấp - Lao	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	3	Đại học	Y đa khoa	87			87	Trúng tuyển	
33	Đoàn Diễm My		28/08/1998	Khoa Tâm Thần	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Đại học	Y đa khoa	95			95	Trúng tuyển	
2. Điều dưỡng hạng III														
1	Trương Thị Hấn		02/12/2001	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng III (V08.05.12)	1	Đại học	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
2	Lê Trúc Nhân		16/09/2000	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng III (V08.05.12)	1	Đại học	Điều dưỡng	50			50	Không trúng tuyển	
3	Tăng Thị Trúc Ngân		26/06/2000	Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng III (V08.05.12)	1	Đại học	Điều dưỡng	67,5			67,5	Trúng tuyển	
4	Chem Văn Toàn	08/08/1993		Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng III (V08.05.12)	1	Đại học	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
3. Điều dưỡng hạng IV														
1	Huỳnh Yến Nhi		22/02/1999	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	85			85	Trúng tuyển	
2	Phan Thị Thanh Anh		23/01/1999	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	82,5			82,5	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Trần Hải Linh	19/12/1996		Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	82,5			82,5	Trúng tuyển	
4	Bào Thị Trúc Lam		07/07/1996	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	80			80	Trúng tuyển	
5	Lê Mỹ Phương		13/06/1999	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
6	Võ Thị Thảo My		25/08/2002	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Đặng Huỳnh	16/06/1992		Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	75			75	Trúng tuyển	
8	Võ Diễm Phúc		23/05/2002	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
9	Nguyễn Thanh Nhã		05/11/1998	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
10	Lý Thành	09/07/2002		Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
11	Cao Mỹ Xuyên		06/09/2000	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	10	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
12	Nguyễn Việt Quốc	12/09/1992		Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
13	Vưu Tuấn Kiệt	19/12/1997		Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	82,5			82,5	Trúng tuyển	
14	Huỳnh Ngọc Thoái	22/07/1993		Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
15	Nguyễn Ngọc Bảo Thu		27/10/1996	Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
16	Nguyễn Văn Khang	16/10/1997		Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	77,5			77,5	Trúng tuyển	
17	Đoàn Ngọc Yến		22/10/2001	Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
18	Nguyễn Chí Thanh	20/11/1998		Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	50			50	Không trúng tuyển	
19	Đỗ Thúy Nhi		04/07/2001	Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
20	Võ Tường Vy		02/09/2002	Khoa Hồi sức tích cực & CĐ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
21	Văn Thị Thùy Dương		11/05/2000	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	70			70	Trúng tuyển	
22	Nguyễn Hồng Nhiễn		01/07/1999	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
23	Lê Phan Khánh Huyền		19/03/1998	Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
24	Thái Văn Ly	03/11/1998		Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
25	Trần Thúy Huyền		02/08/2001	Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
26	Nguyễn Quốc Rin	01/02/2001		Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
27	Trương Hồng Thích		01/01/1996	Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Trúng tuyển	
28	Nguyễn Huỳnh Như		10/05/1998	Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	55			55	Không trúng tuyển	
29	Chung Văn Trọng	07/03/2000		Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
30	Châu Bích Duyên		21/10/2002	Khoa Lão học	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	37,5			37,5	Không trúng tuyển	
31	Đặng Quốc Hội	01/01/1987		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng	85	Công an xuất ngũ	2,5	87,5	Trúng tuyển	
32	Nguyễn Đức Cảnh	26/12/1991		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
33	Nguyễn Hữu Trí	22/06/1990		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
34	Nguyễn Văn Trông	01/07/1995		Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	85	Quân nhân xuất ngũ	2,5	87,5	Trúng tuyển	
35	Nguyễn Thị Tường Vi		27/12/2002	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	82,5			82,5	Trúng tuyển	
36	Trương Tuyết Kha		18/02/1997	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
37	Trần Bích Nguyên		23/07/2001	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
38	Lê Ngọc Huyền		19/5/1996	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
39	Phan Thị Thảo Nhi		01/08/2002	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
40	Trương Ngọc Nữ		06/12/2001	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
41	Lê Ngọc Thi		15/12/2002	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
42	Lê Hoàng Hảo	20/10/2000		Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Không trúng tuyển	
43	Đoàn Như Anh		29/8/2001	Khoa Tim mạch	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	8	Cao đẳng	Điều dưỡng	50			50	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
44	Nguyễn Việt Tới	12/8/2000		Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	4	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
45	Huỳnh Mỹ Tú		11/07/1999	Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	4	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
46	Châu Thị Tố Thư		11/08/1997	Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	4	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Trúng tuyển	
47	Đặng Bá Chữ	21/09/2001		Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	4	Cao đẳng	Điều dưỡng	35			35	Không trúng tuyển	
48	Phạm Tuấn Anh	25/01/2000		Khoa Thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	4	Cao đẳng	Điều dưỡng	Vắng			0	Vắng	
49	Huỳnh Phương Thúy		04/01/1993	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	90			90	Trúng tuyển	
50	Phạm Thị Mỹ Tiên		26/11/2002	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
51	Nguyễn Kim Xuyến		24/07/2001	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
52	Cao Thúy Duy		04/04/1997	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
53	Đặng Ngọc Trân		02/07/2001	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	80			80	Trúng tuyển	
54	Cao Trường Hoài Bảo	13/01/1999		Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Không trúng tuyển	
55	Nguyễn Tiểu Muội		25/01/2001	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	50			50	Không trúng tuyển	
56	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		16/08/2002	Khoa Nội tiêu hóa	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
57	Trần Mỹ Hồng		22/11/1999	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
58	Hồ Nguyễn Thu Thảo		10/10/1998	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
59	Phạm Văn Dũng	01/01/1990		Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	85	Quân nhân xuất ngũ	2,5	87,5	Trúng tuyển	
60	Phạm Ngọc Vi		29/09/1998	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
61	Phạm Thùy Dương		19/09/1999	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
62	Lê Kim Yến		28/05/2001	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	72,5			72,5	Trúng tuyển	
63	Dương Khả Khương	15/01/1998		Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Trúng tuyển	
64	Nguyễn Mỹ Yến		14/10/2002	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	65			65	Trúng tuyển	
65	Lê Bảo Kiếm	21/07/2001		Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	60			60	Không trúng tuyển	
66	Châu Ngọc Lan Thanh		25/03/1996	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	50			50	Không trúng tuyển	
67	Trần Phạm Bảo Anh		19/10/2002	Khoa Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	6	Cao đẳng	Điều dưỡng	45			45	Không trúng tuyển	
68	Trần Nguyễn Như Ngọc		15/04/1995	Khoa Ngoại thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
69	Nguyễn Trường Vũ	12/01/1994		Khoa Ngoại thần kinh	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	70			70	Trúng tuyển	
70	Võ Thị Huỳnh Như		12/07/1999	Khoa Lọc máu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
71	Võ Thị Bích Trâm		15/11/2000	Khoa Lọc máu	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
72	Trịnh Kim Luyến		01/12/2000	Khoa Răng hàm mặt	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	75			75	Trúng tuyển	
73	Huỳnh Việt Minh	15/04/1997		Khoa Răng hàm mặt	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	75			75	Trúng tuyển	
74	Nguyễn Ngọc Phụng		01/01/2001	Khoa Răng hàm mặt	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	70			70	Trúng tuyển	
75	Phạm Phi Yến		24/12/1999	Khoa Truyền nhiễm	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
76	Đặng Từ Anh Thư		20/12/2000	Khoa Truyền nhiễm	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	60			60	Trúng tuyển	
77	Nguyễn Hạnh Nhân		08/09/2000	Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
78	Huỳnh Diễm Trinh		08/03/1997	Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	80			80	Trúng tuyển	
79	Phan Thúy Ái		07/04/1996	Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	75			75	Trúng tuyển	
80	Lê Thái Nhựt Phi	11/08/2000		Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
81	Đinh Thị Kiều Trinh		27/9/2000	Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	70			70	Trúng tuyển	
82	Trần Phương Thảo		09/02/1995	Khoa Hô hấp - Lao	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	5	Cao đẳng	Điều dưỡng	50	Dân tộc Khmer	5	55	Không trúng tuyển	
83	Trần Phương Châm		01/04/2000	Khoa Dịch vụ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng	85			85	Trúng tuyển	
84	Nguyễn Bích Tiền		21/05/2000	Khoa Dịch vụ	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	2	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	70			70	Trúng tuyển	
85	Thạch Hoàng Văn	12/08/1996		Khoa Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	1	Cao đẳng	Điều dưỡng	87,5	Dân tộc Khmer, nghĩa vụ quân sự	5	92,5	Trúng tuyển	
86	Trần Trung Kiên	04/01/2001		Khoa Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	1	Cao đẳng	Điều dưỡng	40			40	Không trúng tuyển	
87	Huỳnh Thị Bảo Vân		24/06/2002	Khoa Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	1	Cao đẳng	Điều dưỡng	40			40	Không trúng tuyển	
4. Dược sỹ hạng III														
1	Hà Phương		25/12/1999	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	85			85	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Thùy Linh		08/02/1989	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	60			60	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Lil Pha		21/8/1992	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	40			40	Không trúng tuyển	
4	Lê Anh Thư		10/04/1996	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	35			35	Không trúng tuyển	
5	Nguyễn Chí Ngói	14/12/1985		Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	22,5			22,5	Không trúng tuyển	
6	Trần Nguyễn Thanh Vy		03/06/1998	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	20			20	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
7	Nguyễn Thúy Ái		28/11/1997	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược lâm sàng	Vắng			0	Vắng	
8	Lê Thanh Đoàn	09/01/1993		Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	Vắng			0	Vắng	
9	Nguyễn Minh Tâm		11/07/1996	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III (V.08.08.22)	2	Đại học	Dược học	Vắng	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	0	Vắng	
5. Dược hạng IV														
1	Trần Phương Thảo		21/11/2002	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Dược học	85			85	Trúng tuyển	
2	Phạm Thanh Thảo		07/11/1999	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	80			80	Trúng tuyển	
3	Võ Nhật Trường	20/11/1998		Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Dược học	75			75	Không trúng tuyển	
4	Trần Thái Sơn	27/03/1996		Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Dược học	75			75	Không trúng tuyển	
5	Tô Như Ngọc		15/10/2001	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	50			50	Không trúng tuyển	
6	Bùi Huỳnh Như		11/10/1996	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	40			40	Không trúng tuyển	
7	Phan Lâm Tâm Như		16/01/2001	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	35			35	Không trúng tuyển	
8	Trần Trọng An	17/04/2002		Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Dược học	20			20	Không trúng tuyển	
9	Châu Hoài Thương		28/09/1993	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	15			15	Không trúng tuyển	
10	Kiều Quỳnh Như		13/07/1994	Khoa Dược	Dược hạng IV (V08.08.23)	2	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	Vắng			0	Vắng	
11	Huỳnh Thị Cẩm Tâm		18/01/1989	Khoa Nội tiêu hóa	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Dược học	90			90	Trúng tuyển	
12	Phan Thùy Mơ		08/04/2002	Khoa Nội tiêu hóa	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Dược học	10			10	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
13	Mai Ngọc Vĩ		19/10/1994	Khoa Nội tiêu hóa	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	8			8	Không trúng tuyển	
14	Hà Như Ngọc		13/03/1999	Khoa Nội tiêu hóa	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	Vắng			0	Vắng	
15	Đào Thiên Thanh	05/01/1986		Khoa Truyền nhiễm	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	77,5			77,5	Trúng tuyển	
16	Thạch Hoàng Võ	29/10/1999		Khoa Truyền nhiễm	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	70	Dân tộc Khmer	5	75	Không trúng tuyển	
17	Đặng Nhựt Duy	02/02/1999		Khoa Truyền nhiễm	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	Vắng			0	Vắng	
18	Đào Lý Trung Nghĩa	12/11/1998		Khoa Dịch vụ	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	80			80	Trúng tuyển	
19	Trà Thành Tính		04/09/1992	Khoa Dịch vụ	Dược hạng IV (V08.08.23)	1	Cao đẳng	Cao đẳng Dược	Vắng				Vắng	
6. Kỹ thuật y hạng III														
6.1 Kỹ thuật hình ảnh y học														
1	Trương Quang Linh	24/02/1999		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III (hình ảnh y học) (V.08.07.18)	2	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	75			75	Trúng tuyển	
2	Dương Quốc Nam	15/09/1999		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III (hình ảnh y học) (V.08.07.18)	2	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	75			75	Trúng tuyển	
6.2 Kỹ thuật xét nghiệm y học, giải phẫu bệnh														
1	Trần Vinh Thứ		21/06/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	85			85	Trúng tuyển	
2	Trần Lâm	29/04/2000		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80			80	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Quang Thiện	06/07/1999		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80			80	Trúng tuyển	
4	Trịnh Thị Kim Hằng		28/03/2001	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80			80	Trúng tuyển	
5	Trương Nhật Anh	16/02/1995		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	70			70	Không trúng tuyển	
6	Văn Hồng Cẩm		13/10/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	45			45	Không trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Kim Như		19/09/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30			30	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
8	Trần Bích Như		16/02/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20			20	Không trúng tuyển	
9	Cao Minh Tân	27/11/2000		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	15			15	Không trúng tuyển	
10	Nguyễn Thị Anh Thư		05/09/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	15			15	Không trúng tuyển	
11	Quách Hương Giang		11/08/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10			10	Không trúng tuyển	
12	Trần Thị Quỳnh Giao		26/02/1997	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10			10	Không trúng tuyển	
13	Nguyễn Cẩm Tú		23/10/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0			0	Không trúng tuyển	
14	Huỳnh Thị Kim Chi		26/06/1999	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
15	Trần Khải Đăng	01/01/2000		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
16	Thái Trung Kiên	29/11/1998		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
17	Trần Thảo My		21/03/2000	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
18	Lê Quí Tài	11/10/1997		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
19	Phan Thanh Xuyên	10/05/1999		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	4	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
20	Trương Thị Thùy Trang		29/01/1999	Khoa Giải phẫu bệnh	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)	1	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	75			75	Trúng tuyển	
7. Kỹ thuật y hạng IV														
7.1 Cao đẳng Kỹ thuật y học (Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu)														
1	Nguyễn Đức Hoài Linh	04/05/1990		Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng	85			85	Trúng tuyển	
2	Trịnh Kim Lê		10/10/1989	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	82,5			82,5	Trúng tuyển	
3	Phạm Trọng Hữu	21/01/1994		Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	80			80	Trúng tuyển	
4	Phạm Văn Lên	01/01/1991		Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	55			55	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
5	Nguyễn Du Kỵ	01/01/1989		Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	50			50	Không trúng tuyển	
6	Nguyễn Bạch Đằng	30/04/1995		Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	35			35	Không trúng tuyển	
7	Lê Trịnh Nhã Quyên		15/06/2001	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	3	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Vắng			0	Vắng	
7.2 Cao đẳng kỹ thuật y học (xét nghiệm)														
1	Nguyễn Minh Duy	20/12/2000		Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	2	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80			80	Trúng tuyển	
2	Danh Ngọc Hà		27/11/1999	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	2	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	75	Dân tộc Khmer	5	80	Trúng tuyển	
3	Trịnh Hồng Vân		15/01/1997	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19)	2	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vắng			0	Vắng	
8. Chuyên viên														
1	Trần Ngọc Đẹp		04/06/1991	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	87,5			87,5	Trúng tuyển	
2	Lê Văn Qui	29/9/1998		Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	60			60	Không trúng tuyển	
3	Phạm Chí Hoài	14/08/1984		Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	52,5			52,5	Không trúng tuyển	
4	Nguyễn Văn Cần	02/09/1996		Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	55			55	Không trúng tuyển	
5	Hồng Quốc Sử	01/01/1995		Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	50			50	Không trúng tuyển	
6	Nguyễn Yến Linh		04/06/1999	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	47,5			47,5	Không trúng tuyển	
7	Thái Thúy Kiều		29/09/2001	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật hành chính	45			45	Không trúng tuyển	
8	Chung Hữu Đang	21/02/1998		Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật hành chính	Vắng			0	Vắng	
9	Nghiêm Thị Hân		05/09/2000	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật hành chính	Vắng			0	Vắng	
10	Nguyễn Thị Diễm Hằng		27/09/1992	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	Vắng			0	Vắng	
11	Nguyễn Thị Trà My		10/11/1996	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (01.003)	1	Đại học	Luật	Vắng	Dân tộc Mường	5	0	Vắng	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
9. Công tác xã hội viên														
1	Hứa Hải Đăng	30/01/1991		Phòng Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (V.09.04.02)	1	Đại học	Công tác xã hội	80			80	Trúng tuyển	
10. Nhân viên công tác xã hội														
1	Châu Ngọc Bích		01/01/2000	Phòng Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (V.09.04.03)	5	Đại học	Xã hội học	85			85	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Huỳnh Như		25/08/2000	Phòng Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (V.09.04.03)	5	Đại học	Xã hội học	70			70	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Lam Thảo		13/11/1999	Phòng Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (V.09.04.03)	5	Đại học	Chính trị học	70			70	Trúng tuyển	
4	Nguyễn Kiều My		02/06/2001	Phòng Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (V.09.04.03)	5	Đại học	Cử nhân Công tác xã hội	Vắng			0	Vắng	
11. Kỹ sư hạng III														
11.1 Đại học nhóm ngành, Điện - Điện tử, cơ điện tử														
1	Lê Nhật Đăng	10/02/1996		Phòng Vật tư - Thiết bị y tế	Kỹ sư hạng III (Điện - Điện tử, Cơ điện tử) (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	85			85	Trúng tuyển	
11.2 Đại học nhóm ngành vật lý kỹ thuật														
1	Phạm Mạnh Duyên		18/08/1999	Khoa Ung bướu	Kỹ sư hạng III (Vật lý kỹ thuật) (V.05.02.07)	1	Đại học	Kỹ thuật y sinh	95			95	Trúng tuyển	
11.3 Đại học nhóm ngành công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học, dinh dưỡng														
1	Nguyễn Thị Mộng Thơ		14/04/1989	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Khoa học thực phẩm	80			80	Trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Phượng Hằng		08/05/1993	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ sinh học	70			70	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng viên chức			Trình độ đào tạo, chuyên môn		Điểm phỏng vấn vòng 2	Ưu tiên		Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	Ngạch hoặc Chức danh nghề nghiệp (Mã chức danh)	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo		Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Điểm ưu tiên			
3	Võ Huỳnh Như		01/09/2000	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ thực phẩm	50			50	Không trúng tuyển	
4	Dương Thị Cẩm Hồng		21/04/1995	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ thực phẩm	40			40	Không trúng tuyển	
5	Bào Trúc Lam		02/05/2000	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ sinh học	30			30	Không trúng tuyển	
6	Nguyễn Hải Đăng	10/07/1989		Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	1	Đại học	Công nghệ sinh học	Vắng			0	Vắng	
12. Kỹ thuật viên hạng IV														
1	Lê Hồng Chi		08/08/1992	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	Kỹ thuật viên hạng IV (V.05.02.08)	1	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	70			70	Trúng tuyển	
Tổng cộng: 209 trường hợp (trúng tuyển: 125 ; không trúng tuyển 84)														

NGƯỜI LẬP BẢNG

Hồng Mị

Cà Mau, ngày 25 tháng 9 năm 2023

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

Bùi Đức Văn